TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 36/2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ánh Dương và bà Hà Thị Hằng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ Ngày 03/7/2023 về việc *"ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị K, sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Khu 6, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng:

1, Ông Phan Văn T, sinh năm 1967, là Tổ trưởng tổ dân phố.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị La Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình H vào ngày 30 tháng 12 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống,bất đồng về tính cách, vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay chị và anh H tuy ở cùng nhà nhưng sống ly thân nhau, bỏ mặc nhau về tình cảm cũng như về kinh tế, giữa chị và anh H đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 18/9/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/3/2020. Hiện các cháu đang ở cùng với vợ chồng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Nguyễn Khánh A và Nguyễn Minh K cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị La Thị K xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị La Thị K xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình H:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đình H. Bản thân anh H đã biết việc chị K khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh, nhưng anh H không lên Tòa án làm việc, không viết bản tự khai trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị La Thị K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị La Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Đình H vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị La Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh A và cháu Nguyễn Minh K cho chị La Thị K tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị La Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1990. Nơi ở và làm việc: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị La Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị K và anh Nguyễn Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về tính cách, vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay chị K và anh H tuy ở cùng nhà nhưng sống ly thân nhau, bỏ mặc nhau về tình cảm cũng như về kinh tế, giữa chị K và anh H đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau, nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Đối với anh Nguyễn Đình H: Tại văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 22/6/2023, anh cũng xác nhận vợ chồng không hạnh phúc, đang làm thủ tục ly hôn và tranh chấp nuôi con, cùng nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn là nơi giải quyết vụ việc. Nhưng khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh lại không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn chị La Thị K, lời khai của những người làm chứng để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị K và anh Nguyễn Đình H có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, đã sống ly thân một thời gian, cuộc hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị La Thị K là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 18/9/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/3/2020. Khi ly hôn chị La Thị K đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy chị K hiện đang làm giáo viên có thu nhập ổn định là 10.418.400 đồng/tháng, có nơi ở ổn định, trong thời gian sảy ra mâu thuẫn hai cháu ở cùng chị K. Cháu Nguyễn Khánh A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, bản thân cháu Nguyễn Minh K còn nhỏ vừa qua 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống và sự phát triển của các cháu, nên cần giao cả 02 cháu cho chị La Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Đình H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị K phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị K:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 18/9/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/3/2020 cho chị La Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A và cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004488 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị La Thị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa